|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT THỊ XÃ KỲ ANH****TRƯỜNG THCS KỲ LONG**Số: 03 /KH-THCS KL | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** *Kỳ Long, ngày 04 tháng 05 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH**

**Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025**

**I.ĐẶT VẤN ĐỀ**

Kỳ Long là phường nằm ở phía Nam thị xã Kỳ Anh, thuộc Khu kinh tế Vũng Áng.

Phía Nam giáp Phường Kỳ Liên, phía Đông tiếp giáp với Khu Công nghiệp Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh, phía Tây ngăn cách bởi dãy Hoành Sơn giáp huyện Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình, phía Bắc, Tây Bắc tiếp giáp Phường Kỳ Thịnh.

Kỳ Long có diện tích tự nhiên 2130,7 ha. Dân số có 1408 hộ, 5111 nhân khẩu. Trong đó có 83 hộ 384 nhân khẩu theo đạo Thiên chúa giáo.

Kỳ Long có truyền thống văn hóa từ lâu, là đơn vị Anh hùng LLVT trong 2 cuôc kháng chiến chống pháp và chống Mỹ cứu nước.

Kỳ Long có ảnh hưởng trực tiếp của Dự án Formosa nên tuy gặp một số khó khăn nhưng có điều kiện để phát triển kinh tế. Do vậy đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, CSVC hạ tầng trong những năm gần đây đã phát triển mạnh mẽ.

**1.Thuận lợi:**

- Trường THCS Kỳ Long là trường liên phường (P.Kỳ Long-P.Kỳ Liên). Nhân dân có truyền thống hiếu học, Chấp hành tốt chủ trương của Đảng và nhà nước, đã di dời lên nơi ở mới để nhường đất cho dự án Fosmosa, đời sống nhân dân đang dần ổn định, kinh tế ngày càng phát triển .

- Cơ sở vật chất nhà trường được xây dựng kiên cố,hệ thống phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc đảm bảo cho hoạt động dạy và học trong nhà trường.

- Được sự quan tâm và lãnh đạo trực tiếp của Phòng GD&ĐT Thị xã, của chính quyền địa phương hai Phường Kỳ Long và Kỳ Liên tạo mọi điều kiện để nhà trường tập trung vào giảng dạy nâng cao chất lượng.

 - Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, năng động sáng tạo, đoàn kết , hăng say với công việc, tận tụy với học sinh, trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn cao, số đảng viên chiếm: 87 %.

 - Nhu cầu học tập của học sinh vùng trong nói chung, Kỳ Long- Kỳ Liên nói riêng ngày càng cao.

 **2**.**Khó khăn:**

- Đội ngũ CBQL giáo viên, nhân viên đang còn thiếu, không đồng bộ dẫn đến khó bố trí giảng dạy và giáo viên còn phải dạy chéo môn. Cán bộ hành chính còn thiếu 2 người so với quy định dẫn đến khó bố trí trong công việc.

- Thiếu phòng học, phòng học bộ môn vì Phường Kỳ Long, Phường Kỳ Liên nằm trong vùng trọng điểm của khu kinh tế Vũng Áng nên cùng với sự phát triển kinh tế là sự tăng dân số dẫn đến số học sinh những năm tiếp theo tăng nhanh, CSVC hiện nay không thể đáp ứng.

- Diện tích khuôn viên nhà trường hiện nay không thể mở rộng được nên sẽ khó khăn cho việc xây dựng thêm CSVC, khuôn viên, sân chơi bãi tập cho những năm tiếp theo khi số học sinh và số lớp tăng.

- Trang thiết bị dạy học còn thiếu và chưa đồng bộ, độ chính xác và khoa học không cao nên khó khăn trong việc sử dụng.

**II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**

**1.Về quy mô:**

Năm học 2020-2021 có 14 lớp; 504 học sinh. Tỷ lệ bình quân: 36 học sinh/lớp.

**2.Tổng số CBGV, NV**: 27 đ/c

Trong đó:

+ CBQL: 2 đ/c

+ Giáo viên: 21 đ/c. Trình độ: đại học: 18, Cao đẳng: 3

+ Tổng phụ trách đội: 1

+ Hành chính: 3 (1 kế toán, 1 Văn thư-thư viện, 1 thiết bị)

Thiếu so với biên chế: 5 giáo viên.

**3. Cơ sở vật chất:**

- Diện tích khuôn viên 9067,5 m2, đạt 17,63 m2/HS. Chưa có GCNQSDĐ. Chưa có quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất.

\* Khối phòng hành chính quản trị:

- Có phòng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng bảo vệ: Đảm bảo quy định.

- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: Có 2 công trình ở khối phòng hành chính.

- Khu để xe giáo viên, cán bộ, nhân viên: Đã có nhưng thiếu 60 m2

\* Khối phòng học tập:

- Phòng học: 14 phòng. Thiếu 2 phòng

- Phòng học bộ môn Âm nhạc: 1 phòng.

- Phòng học bộ môn Mỹ thuật: chưa có.

- Phòng học bộ môn Tin học: 1 phòng nhưng không đủ diện tích quy định.

- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: chưa có

- Phòng học bộ môn Công nghệ: 1 phòng nhưng không đủ diện tích quy định.

- Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên: 2 phòng.

- Phòng học Đa chức năng: Chưa có.

- Phòng học bộ môn Khoa học xã hội: Chưa có.

\* Khối phòng hỗ trợ học tập:

- Thư viên: 1 phòng: Đảm bảo tiêu chuẩn.

- Phòng thiết bị giáo dục: 1 phòng nhưng diện tích không đủ theo quy định.

- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập. Chưa có.

- Phòng truyền thống: 1 phòng.

- Phòng Đội thiếu niên: Có 1 phòng đảm bảo quy định.

\* Khối phụ trợ:

- Phòng họp: 1 phòng đảm bảo quy định.

- Phòng giáo viên: Chưa có.

- Phòng Y tế học đường: 1 phòng đảm bảo quy định.

- Nhà kho: 1 nhà nhưng diện tích chưa đảm bảo quy định.

- Khu để xe học sinh: có 2 nhà để xe.

- Khu vệ sinh học sinh: Có 2 công trình đảm bảo quy định, thiếu 1 công trình tại khu phòng học bộ môn.

- Cổng, hàng rào: Có và đảm bảo quy định.

\* Khu sân chơi, thể dục thể thao.

- Sân chơi: Có sân chơi cho học sinh.

- Nhà đa năng: Chưa có.

- Sân thể dục: không có.

**4. Dự tính số lớp, học sinh giai đoạn 2020-2025:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **K6** | **K7** | **K8** | **K9** | **Cộng** |
| ***Lớp*** | ***HS*** | ***Lớp*** | ***HS*** | ***Lớp*** | ***HS*** | ***Lớp*** | ***HS*** | ***Lớp*** | ***HS*** |
| 2020-2021 | *4* | 171 | *4* | 131 | *3* | 105 | *3* | 103 | ***14*** | **510** |
| 2021-2022 | *5* | 197 | *4* | 171 | *4* | 131 | *3* | 105 | ***16*** | **604** |
| 2022-2023 | *6* | 264 | *5* | 197 | *4* | 171 | *4* | 131 | *19* | **763** |
| 2023-2024 | *6* | 274 | *6* | 264 | *5* | 197 | *4* | 171 | *21* | **906** |
| 2024-2025 | *6* | 275 | *6* | 274 | *6* | 264 | *5* | 197 | *23* | **1010** |

**5. Kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:**

Trường đã đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2017-2022, đạt mức 1 theo quy định củ. Thời gian công nhận lại chuẩn quốc gia là năm 2022.

**6. Chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia:**

 Chất lượng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2017-2022 có các tiêu chuẩn 1,2,4,5 đạt bền vững. Theo Thông tư số 18 của BGD ngày 22/8/2018 thì tiêu chuẩn 3 ( Về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học) đạt nhưng chưa bền vững. Cụ thể có các tiêu chí 1 (sân chơi bãi tập cho học sinh chưa đạt), tiêu chí 2 (thiếu các phòng học, phòng học bộ môn), tiêu chí 3 (thiếu nhà nghỉ cho giáo viên), tiêu chí 4 (nhà vệ sinh của học sinh đang thiếu), tiêu chí 5 ( thiết bị dạy học theo quy đinh đang còn thiếu).

**7. Hạn chế:**

 Đã được công nhận, tuy nhiên các tiêu chí của tiêu chuẩn 3 chưa đạt theo Thông tư mới.

**8. Nguyên nhân của hạn chế:**

 Kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất, mua thêm trang thiết bị dạy học không có.

**III. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Kỳ Anh lần thứ hai nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đại hội đảng bộ phường Kỳ Long lần thứ 27 nhiệm kỳ 2020-2025 ;

- Căn cứ Thông từ số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Căn cứ Thông từ số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 05 năm 2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Căn cứ Thông từ số 14/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 05 năm 2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

- Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường hiện tại và kế hoạch phát triển đến năm 2025.

1. **Mục tiêu chung:**

- Xây dựng nhà trường đạt 5 tiêu chuẩn theo Thông từ số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Từng bước xây dựng trường tiến tiến hiện đại.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng nội dung, cập nhật, sắp xếp hồ sơ đúng tiến độ và đúng yêu cầu quy định của một trường THCS đạt chuẩn Quốc gia.

- Tập thể sư phạm nhà trường nâng cao ý thức trách nhiệm của mình phấn đấu đưa chất lượng dạy và học đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định trường học đạt chuẩn Quốc gia.

- khắc phục những khó khăn, tìm hiểu, nghiên cứu để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

1. **Kế hoạch (Chi tiết theo từng năm học).**

**2.1. Kế hoạch xây dựng đội ngũ:**

**\* Năm học 2020-2021:**

- Quản lý: Hiện có 2, kế hoạch bổ sung 0.

- Giáo viên: Hiện có 21 (trong đó có 3 biệt phái), cần bổ sung 5.

- Nhân viên: Hiên có 3 (Kế toán, thiết bị, thư viện), cần bổ sung 2.

- Tổng PT Đội: 1

**\* Năm học 2021-2022:**

- Quản lý: 2

- Giáo viên: 30

- Nhân viên: 5

- Tổng PT Đội: 1

**\* Năm học 2022-2023:**

- Quản lý: 2

- Giáo viên: 36

- Nhân viên: 5

- Tổng PT Đội: 1

**\* Năm học 2023-2024:**

- Quản lý: 2

- Giáo viên: 39

- Nhân viên: 5

- Tổng PT Đội: 1

**\* Năm học 2024-2025:**

- Quản lý: 3

- Giáo viên: 43

- Nhân viên: 5

- Tổng PT Đội: 1

**2.2. Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất**

**\* Lộ trình thực hiện:**

 Để đảm bảo đủ các điều kiện để kiểm tra lại sau 5 năm đạt chuẩn vào năm 2022, trước mắt cần bổ sung các hạng mục sau:

+ Làm giấy CN QSDĐ, làm quy hoạch tổng thể nhà trường.

+ Xây thêm 6 phòng học;

 + Xây thêm 6 phòng học chức năng;

 + Làm sân thể thao;

+ Làm thêm nhà để xe giáo viên**;**

+ Mua sắm trang thiết bị Dạy-Học

**\* Năm học 2020-2021:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Diện tích** | **Số tiền***(triệu đồng)* | **Dự kiến thời gian khởi công** | **Dự kiến thời gian hoàn thành** |
| 1 | Làm bìa đất, Quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất | 1 | 8.995 m2 | 35 | 1/2021 | 7/2021 |
| 2 | Bàn ghế học sinh | 35 bộ |  | 56 | 09/2020 | 9/2020 |
| 3 | Xây mới 6 phòng học | 6 | 350 m2 | 3.500 | 2/2021 | 7/2021 |
|  | **Tổng:** |  |  | **3.591** |  |  |

**\* Năm học 2021-2022:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Diện tích** | **Số tiền***(triệu đồng)* | **Dự kiến thời gian khởi công** | **Dự kiến thời gian hoàn thành** |
| 1 | Xây mới phòng học bộ môn 60m2 | 6 | 360m2 | 3.000 | 3/2022 | 9/2022 |
| 2 | Mua bàn nghế 2 chổ ngồi | 46 bộ |  | 74 | 9/2021 | 9/2021 |
| 3 | Máy tính phòng tin học | 10 bộ |  | 90 | 9/2021 | 3/2022 |
| 4 | Ti vi thông minh màn hình 70 inch | **5** |  | 75 | 8/2021 | 9/2021 |
| 5 | Đồ dùng các môn học lớp 6 | **5** |  | 30 | 8/2021 | 9/2021 |
| 6 | Máy chiếu | 2 |  | 40 | 12/2021 | 4/2022 |
| 7 | Bàn ghế giáo viên | 5 |  | 25 | 9/2021 | 10/2021 |
|  | **Tổng** |  |  | **3.334** |  |  |

\***Năm học 2022-2023:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Diện tích** | **Số tiền***(triệu đồng)* | **Dự kiến thời gian khởi công** | **Dự kiến thời gian hoàn thành** |
| 1 | Xây mới công trình vệ sinh học sinh 1 | 1 | 36 | 300 | 9/2022 | 12/2022 |
| 2 | Nâng cấp sân thể dục | 1 | 400 | 100 | 5/2022 |  5/2022 |
| 3 | Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi | 80 bộ |  | 128 | 8/2022 | 9/2022 |
| 4 | Máy tính phòng tin học  | 10 bộ |  | 90 | 8/2022 | 12/2022 |
| 5 | Ti vi thông minh màn hình 70 inch  | 6 |  | 90 | 8/2022 | 9/2022 |
| 6 | Đồ dùng các môn học lớp 7 |  |  | 30 | 8/2022 | 9/2022 |
| 7 | Bàn ghế giáo viên | 5 |  | 25 | 8/2022 | 9/2022 |
|  | **Tổng** |  |  | **763** |  |  |

**\*Năm học 2023-2024:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Diện tích** | **Số tiền***(triệu đồng)* | **Dự kiến thời gian khởi công** | **Dự kiến thời gian hoàn thành** |
| 1 | Xây mới thêm phòng học  | 6 | 350m2 | 3,500 | 9/2023 | 6/2024 |
| 2 | Xây nhà xe giáo viên | 1 | 60 m2 | 60 | 9/2023 | 12/2023 |
| 3 | Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi | 71 bộ |  | 113,4 | 8/2023 | 9/2023 |
| 3 | Máy tính phòng tin học  | 10 bộ |  | 90 | 8/2023 | 2/2024 |
| 4 | Ti vi thông minh màn hình 70 inch  | 6 |  | 90 | 8/2023 | 9/2023 |
| 5 | Đồ dùng các môn học lớp 8 |  |  | 30 | 8/2023 | 9/2023 |
| 6 | Máy chiếu | 3 |  | 60 | 9/2023 | 11/2023 |
|  | **Tổng** |  |  | **440,4** |  |  |

**\*Năm học 2024-2025:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Diện tích** | **Số tiền***(triệu đồng)* | **Dự kiến thời gian khởi công** | **Dự kiến thời gian hoàn thành** |
| 1 | Xây mới 1 phòng tư vấn học đường, hỗ trợ HS khuyết tật 24m2 | 1 | 36 | 250 | 9/2024 | 2/2025 |
| 2 | Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi | 53 bộ |  | 84,6 | 8/2024 | 9/2024 |
| 3 | Ti vi thông minh màn hình 70 inch  | 6 |  | 90 | 8/2024 | 9/2024 |
| 4 | Đồ dùng các môn học lớp 9 |  |  | 30 | 8/2024 | 9/2024 |
| 5 | Bàn ghế giáo viên | 5 |  | 25 | 8/2024 | 9/2024 |
|  |  |  |  | **479,6** |  |  |

**IV.GIẢI PHÁP**

1. **Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động.**

Tuyên truyền rộng rãi trong chính quyền, các ngành địa phương và toàn bộ cha mẹ học sinh trong nhà trường để làm chuyển biến tư tưởng, nhận thức, hiểu rõ việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước.

Quán triệt việc nâng chất trường đạt chuẩn là xây dựng mô hình nhà trường mới với chất lượng giáo dục cao, thể hiện sự phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, học sinh trong toàn trường học tập, quán triệt chủ trương và các văn bản của cấp trên để nâng chất trường đạt chuẩn quốc gia; để từ đó quyết tâm xây dựng.

1. **Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp, kiện toàn công tác tổ chức, kiểm tra việc thực hiện nâng chất trường chuẩn quốc gia.**

Thành lập Ban chỉ đạo nâng chất trường chuẩn quốc gia, phân công phân nhiệm rõ ràng cho từng thành viên, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá định kì, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm ở từng giai đoạn.

Đảm bảo việc tham mưu với lãnh đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo tranh thủ nguồn vốn và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí được Nhà nước cấp, nhân dân hỗ trợ, học phí …

1. **Về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.**

Tham mưu với cấp trên để xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

Lập kế hoạch chi tiết về nâng cao trình độ, tay nghề và năng lực của toàn bộ đội ngũ, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cụ thể. Nâng cao tỷ lệ Đảng viên trong trường.

Tăng cường công tác giáo dục đạo đức và phẩm chất của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Phát động sâu rộng trong toàn trường về phong trào tự học, tự bồi dưỡng về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, phấn đấu mỗi giáo viên trở thành giáo viên giỏi cấp trường, cấp huyện.

Bố trí, sử dụng lực lượng giáo viên đảm bảo hợp lý theo quy định.

1. **Huy động mọi nguồn lực để đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.**

Phối hợp với các cơ quan ban ngành, chính quyền địa phương nhất là Ban đại diện cha mẹ học sinh theo chủ trương xã hội hóa giáo dục.

Bộ phận thiết bị kiểm kê, lập kế hoạch mua bổ sung trang thiết bị dạy học bị hư hoặc đã sử dụng hết … kiểm tra, nhắc nhở cán bộ, giáo viên khi sử dụng phương tiện dạy học và phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học trong toàn trường.

1. **Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục**

Kiên quyết thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của học sinh, đưa công nghệ thông tin ứng dụng vào công tác soạn giảng.

Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chuyên môn, đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn, mỗi năm yêu cầu mỗi tổ chuyên môn phải giải quyết ít nhất 02 chuyên đề chuyên môn trong năm; sinh hoạt nhóm chuyên môn 02 lần/tháng, có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Quan tâm bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp, phụ đạo học sinh yếu, nhằm nâng cao tỉ lệ học sinh giỏi, giảm tỉ lệ học sinh yếu kém.

Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh phù hợp với đối tượng học sinh với yêu cầu đổi mới giáo dục.

1. **Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục**.

Huy động Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia giáo dục toàn diện học sinh và kêu gọi tài trợ giáo dục để tăng cường xây dựng cơ sở vật chất nhà trường, động viên khen thưởng các phong trào trong nhà trường.

Thực hiện dân chủ hóa trong trường học, công khai tài chính, tham mưu các cấp, các ngành địa phương thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước chăm lo cho sự nghiệp phát triển giáo dục.

**V.TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

 **1. Nhà trường:**

Tham mưu UBND phường, lập kế hoạch xây dựng lộ trình phù hợp với tình hình địa phương. Phân công nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân trong nhà trường để thực hiện.

Tập trung nâng cao chất lượng GD toàn diện, huy động sự đóng góp toàn xã hội vào cho giáo dục.

1. **UBND phường:**

Huy động nguồn từ ngân sách nhà nước, từ nguồn đóng góp của nhân dân đầu để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu học tập của con em.

Tham mưu với UBND thị xã Kỳ Anh để thu hút nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường.

 **3. Kiểm tra, đôn đốc thực hiện*.***

Nhà trường thường xuyên kiểm tra rà soát các tiêu chuẩn theo TT 18/2018, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD ĐT, kịp thời tham mưu với cấp trên để củng có bổ sung hoàn thiện các tiêu chí. Giữ vững, phát huy các điều kiện của trường chuẩn quốc gia.

 **T/M NHÀ TRƯƠNG**

 **PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH**

 **Lê Xuân Lâm**

**Phụ lục I**

**DANH SÁCH TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**

**Đến ngày 30 tháng 4 năm 2021**

 **BẬC HỌC THCS**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Tên đơn vị** | **Năm công nhận** | **Mức đạt trường chuẩn** | **Năm công nhận lại, xây dựng lại theo đăng ký** |
| **1** | THCS Kỳ Long | Thị xã Kỳ Anh | 2017 | 1 | 2022 |

**Phụ lục II**

**CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**

**Đến ngày 30 tháng 4 năm 2021**

 **BẬC HỌC THCS**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Tên huyện** | **Tiêu chuẩn 1** | **Tiêu chuẩn 2** | **Tiêu chuẩn 3** | **Tiêu chuẩn 4** | **Tiêu chuẩn 5** |
| **1** | THCS Kỳ Long | Thị xã Kỳ Anh | Đ2 | Đ2 | Đ2- | Đ2 | Đ2 |

**Phụ lục IIc**

**DANH SÁCH TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN NHƯNG TIÊU CHUẨN 3 CHƯA BỀN VỮNG**

**(Chỉ phản ánh các tiêu chí chưa đạt yêu cầu)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trường** | **Tên huyện** | Tiêu chí 1 | Tiêu chí 2 |
| **1** | THCS Kỳ Long | Thị xã Kỳ Anh | Chưa có sân tập thể dục | Thiếu phòng học và phòng học bộ môn |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí 3 | Tiêu chí 4 | Tiêu chí 5 | Tiêu chí 6 |
| Chưa có nhà nghỉ cho giáo viên | Thiếu nhà vệ sinh của học sinh | Thiếu thiết bị dạy học theo quy định | Đ |